

Số 10/TB-MNTH

Kiến Thụy, ngày 01 tháng 10 năm 2025

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của bộ GDĐT Thông tư Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện công văn số 707/UBND-VHXH của UBND xã Kiến Thụy ngày 04/9/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 - 2026;

Thực hiện công văn số 877/UBND-VHXH của UBND xã Kiến Thụy ngày 18/9/2025 về việc tăng cường kỷ cương, công khai, minh bạch trong thực hiện các khoản thu tại cơ sở giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê, rà soát tài sản, đồ dùng trang thiết bị của nhà trường ngày 11/8/2025 và đề nghị cấp phát đồ dùng của các lớp;

Căn cứ biên bản họp Cấp ủy mở rộng ngày 25 tháng 9 năm 2025. Họp chi bộ, họp hội đồng toàn thể CBGV, NV ngày 25 tháng 9 năm 2025 về thống nhất dự kiến các khoản thu - Chi Năm học 2025 - 2026

Căn cứ vào kết quả thống nhất tại biên bản họp phụ huynh học sinh ngày 28/9/2025;

Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2025-2026 Trường mầm non Thụy Hương thông báo công khai các khoản thu - chi thực hiện trong năm học 2025-2026 (có Kế hoạch thu chi kèm theo):

Các khoản thu của học sinh được nhà trường công khai tại trường từ ngày 01/10/2025 đến 17h ngày 15/10/2025 (15 ngày liên tục) bằng hình thức: Niêm yết tại Trang Website - địa chỉ: mnhuyhuong.haiphong.edu.vn, bảng công khai của nhà trường và trên hội nghị cán bộ viên chức, người lao động ngày 09/10/2025.

Trường mầm non Thụy Hương trân trọng thông báo công khai các khoản thu của học sinh năm học 2025-2026 tới toàn thể CB,GV,NV và các bậc phụ huynh được biết.

(* Lưu ý: Thông báo này có bản chi tiết về kế hoạch dự kiến thu chi kèm theo)

Nơi nhận:

- CB, GV, NV, PH.

- Lưu: VT, HSTC.

TM NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Tâm

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai dự toán các khoản thu - chi đầu năm
Năm học 2025 – 2026

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 ngày 01 tháng 10 năm 2025

Tại: Trường MN Thụy Hương chúng tôi gồm:

1. Bà: Nguyễn Thị Sâm - Hiệu trưởng
2. Bà: Đỗ Thị Lệ – Phó hiệu trưởng
3. Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga – Phó hiệu trưởng
4. Bà: Nguyễn Thị Thảo - GV- kiêm Kế toán
5. Bà: Phạm Thị Phương - Bí thư Đoàn TN – Thư ký
6. Bà: Vũ Thị Hằng - GV- trưởng ban Thanh tra nhân dân
7. Bà: Tạ Thị Yên - Tổ trưởng chuyên môn khối nhà trẻ.
8. Bà: Nguyễn Thị Hương - Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo
9. Bà: Vũ Thị Đào - Tổ trưởng tổ nuôi
10. Bà: Nguyễn Thị Thu Huyền- Đại diện HCMHS

Lập biên bản về việc niêm yết công khai kế hoạch các khoản thu chi đầu năm.(có các báo cáo chi tiết thu chi kèm theo) Năm học 2025– 2026 tại trụ sở làm việc:

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 h ngày 01 tháng 10 năm 2025 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 17 h ngày 10 tháng 10 năm 2025 (15 ngày liên tục)..

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Phạm Thị Phương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Sâm

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ NIÊM YẾT

Nguyễn Thị Thúy Nga

Đỗ Thị Lệ

Đào
Vũ Thị Hằng
Nguyễn Thị Hương

Tạ Thị Yên

Vũ Thị Hằng

Nguyễn Thị Đào

Nguyễn Thị Thu Huyền

KẾ HOẠCH
Thu chi năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 6410/SGDĐT-KHTC ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (cấp học Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở) về trực thuộc ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy;

Thực hiện công văn số 707/UBND-VHXXH của UBND xã Kiến Thụy ngày 04/9/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 - 2026;

Thực hiện công văn số 877/UBND-VHXXH của UBND xã Kiến Thụy ngày 18/9/2025 về việc tăng cường kỷ cương, công khai, minh bạch trong thực hiện các khoản thu tại cơ sở giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ biên bản họp phụ huynh đầu năm của cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường ngày / /2025; cuộc họp phụ huynh toàn trường ngày / /2025 đã thống nhất các khoản thu - chi cho tất cả học sinh học tại trường và những học sinh được cha mẹ có nhu cầu đăng ký dịch vụ gửi trẻ ngoài giờ hành chính, học ngày thứ 7, làm quen tiếng Anh;

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn thôn Trà Phương, thôn Quế Lâm, thôn Phương Đồi xã Kiến Thụy và tình hình thực tế của nhà trường;

Trường Mầm non Thụy Hương xây dựng Kế hoạch Thu - Chi năm học 2025 - 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

- Tạo quyền chủ động quản lý và chi tiêu tài chính trong nhà trường.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác cho CBGV-NV, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong cơ quan; thực hiện kiểm soát của Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán...
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, lạm thu.
- Công bằng, minh bạch trong sử dụng nguồn tài chính. Tiết kiệm để chi tăng thu nhập cho CBGV-NV hợp lý, chính đáng.

II. NỘI DUNG:

1. Học phí

* **Căn cứ thu:** Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 - 2025.

* **Căn cứ chi:** Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 1044/HĐLS-GĐĐT-STC ngày 19/8/2024 GĐĐT - Sở Tài chính về việc Thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 - 2025.

* **Hình thức thu:** Được thành phố hỗ trợ theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học Mầm non đến Trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

* **Mức hỗ trợ:** 92.000đ/HS/tháng đối với HS nhà trẻ
85.000đ/HS/tháng đối với HS mẫu giáo

* **Dự kiến hỗ trợ: 221.049.000đ**

Nhà trẻ: 48HS x 92.000 x 9 tháng = 39.744.000đ

Mẫu giáo: 237HS x 85.000 x 9 tháng = 181.305.000đ

* **Dự kiến chi:**

- Sử dụng 100% dùng để trích lập quỹ cải cách tiền lương, phục vụ chi thu nhập bình quân tăng theo Nghị quyết 05 và Nghị quyết 01 của HĐND thành phố

2. Phục vụ ăn bán trú

* **Thu:**

- Mức thu: 26.000 đồng/ngày (trong đó tiền thực phẩm: 24.000đ, nhiên liệu 2.000đ)

* **Chi:** Chi 100% cho hoạt động phục vụ ăn bán trú

- Chi 24.000đ/trẻ/ngày để mua thực phẩm cho trẻ

- Chi 2.000đ/trẻ/ngày để mua nhiên liệu phục vụ nấu ăn. Trong đó:

+ Chi mua gas phục vụ nấu ăn

+ Chi trả tiền nước phục vụ nấu ăn hàng tháng, hỗ trợ từ 1 đến 2 tháng tiền điện

3. Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh

*** Thu:**

- Mức thu: + Đối với trẻ mới: 360.000 đ trẻ năm
- + Đối với trẻ cũ: 200.000đ trẻ năm

- Tổng mức thu dự kiến:

- + Đối với trẻ mới: 68 trẻ x 360.000đ năm = 24.480.000đ
- + Đối với trẻ cũ: 217 trẻ x 200.000đ năm = 43.400.000đ

Tổng: 67.880.000đ

*** Chi:** Chi 100% phục vụ cho việc tổ chức hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh:

- Mua theo năm: bổ sung chiếu ngủ, bát, thìa, muối, ca inox, bình đựng nước muối, khăn lau tay, khăn mặt, tải lau chân, cây gạt nước, cây lau nhà, chổi, chần móng,...

- Mua hàng tháng: Giấy vệ sinh, vìm vệ sinh, xà phòng giặt, xà phòng rửa tay, nước lau sàn, nước lau kính, túi bóng đựng rác, nước xả vải ...

4. Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú

*** Thu:**

- Mức thu: 150.000 đồng/trẻ/tháng.
- Tổng mức thu dự kiến: 285 trẻ x 150.000đ x 9 tháng = 384.750.000đ

*** Chi:**

- Chi 94,1% cho cán bộ, nhân viên hoặc người lao động thực hiện hoạt động nấu ăn cho trẻ

- Chi 3,9% thực hiện hoạt động vệ sinh bán trú

- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp

(Thu vừa đủ chi, đến cuối tháng 4/2026 cân đối số thu chi thừa thiếu sẽ điều chỉnh mức thu ở tháng 5/2026)

5. Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính

*** Thu:**

- Mức thu: 220.000 đồng/trẻ/tháng.
- Tổng mức thu dự kiến: 285 trẻ x 220.000đ x 9 tháng = 564.300.000đ

*** Chi:**

- Chi 98% cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hoặc người lao động làm nhiệm vụ quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính

- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp

(Tổng số tiền thực thu được của tháng nào chi hết theo tỷ lệ % và nội dung chi của tháng đó)

6. Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7

*** Thu:**

- Tổng mức thu dự kiến: 145 trẻ x 50.000đ/ngày x 4 buổi x 9 tháng = 261.000.000đ.

*** Chi:**

- Chi 98% tiền công, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động làm nhiệm vụ quản lý, chăm sóc trẻ vào ngày thứ 7

- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp
(Tổng số tiền thực thu được của tháng nào chi hết theo tỷ lệ % và nội dung chi của tháng đó)

7. Hợp tác dạy trẻ mầm non làm quen Tiếng Anh

*** Thu:**

- Mức thu: 160.000 đồng/môn làm quen tiếng Anh.
- Tổng mức thu dự kiến: 95 trẻ x 160.000đ x 8 tháng = 121.600.000đ

*** Chi**

- 75% chuyển trả công ty Giáo dục Quốc tế Đức Bảo sử dụng
- 25% nhà trường được sử dụng để chi các nội dung sau:
 - + Hỗ trợ đầu tư đến thiết bị dạy học: 5%
 - + Bồi dưỡng giáo viên hỗ trợ tổ chức giờ dạy (quản lý cháu, chuẩn bị đồ dùng...): 10%
 - + Công tác quản lý, tổ chức của trường: 8%
 - + Các hoạt động khác: 2%.

8. Danh mục đồ dùng, đồ chơi, nguyên học liệu trực tiếp phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ

Các đồ dùng, đồ chơi, nguyên học liệu phục vụ trực tiếp cho cá nhân trẻ hoạt động theo chủ đề, chủ điểm của năm học trong chương trình giáo dục mầm non (như: Sáp màu, đất nặn, keo, kéo, giấy màu, giấy vẽ, bút chì, vòng, gậy...) phụ huynh mua đến cho trẻ xong phải đồng bộ và đúng các loại đồ dùng đảm bảo cho các cháu hoạt động hiệu quả.

9. Kinh phí hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh

*** Thu:** Căn cứ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thực hiện theo biên bản của cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường Mầm non Thụy Hương năm học 2025 - 2026 ngày / /2025. Mức thu tự nguyện ủng hộ, không thực hiện thu đối với trẻ thuộc gia đình chính sách, có hoàn cảnh khó khăn được UBND xã xác nhận theo quy định, không ủng hộ kinh phí bình quân, không cào bằng nhưng không quá 500.000 đồng/HS/năm.

- Trích 65% chi phí hoạt động cho Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường sử dụng và 35% chi các hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp.

*** Chi:**

- Chi phí hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được sử dụng:
 - + Tổ chức cho học sinh liên hoan, mua bánh kẹo, hoa quả... cho học sinh khi đi tham quan, dã ngoại, hoạt động ngoại khóa, các ngày lễ hội của trẻ theo kế hoạch năm học 2025 - 2026
 - + Thuê quần áo, trang phục biểu diễn cho trẻ trong các ngày lễ hội
 - + Thăm hỏi trẻ ốm đau nằm viện dài ngày, tai nạn rủi ro, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
 - + Mua phần thưởng, quà cho các cháu vào những dịp lễ hội: Trung thu, Noel, Tết nguyên đán, 1- 6....
- Chi cho các hoạt động của lớp: như liên hoan, sinh nhật, thăm hỏi...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Hiệu trưởng - Chủ tài khoản.

- Quản lý tốt việc thu chi. Chỉ đạo thu chi hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch bổ sung, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ dạy học cũng như các hạng mục cần sửa chữa trong năm học.
- Duyệt kế hoạch thu chi do kế toán tham mưu (trên cơ sở kế hoạch năm học của trường; từ đề xuất của các bộ phận trong trường cũng như phân bổ ngân sách của huyện; căn cứ trên số học sinh và số CBGV-NV của trường...)
- Điều chỉnh kế hoạch theo từng giai đoạn của năm học cho hợp lý.
- Duyệt các chứng từ chi trong năm từ ngân sách của trường.
- Chịu trách nhiệm trước các cấp quản lý về công tác quản lý, điều hành thu chi tài chính trong nhà trường.

2. Kế toán.

- Thường xuyên tham mưu để chủ tài khoản có sự điều chỉnh kế hoạch thu chi theo tháng, quý, học kỳ.
- Thực hiện nhiệm vụ của kế toán trong nhà trường.
- Quản lý chứng từ, hồ sơ thu chi trong năm.
- Tập hợp và báo cáo tình hình thu chi tài chính của trường trong cuộc họp đầu năm, sơ kết, tổng kết cuối năm.

3. Thủ quỹ.

- Các khoản thu thỏa thuận với phụ huynh phải gửi vào tài khoản của nhà trường tại kho bạc hoặc ngân hàng.
- Chi theo chứng từ đã được chủ tài khoản duyệt hoặc đã xác nhận chi.
- Nộp và rút tiền tại kho bạc Nhà nước theo quy định.

4. Thanh tra nhân dân.

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định là: Giám sát việc thu chi của trường.
- Làm nhiệm vụ khi có quyết định điều động của Chủ tịch Công đoàn theo yêu cầu hoặc đề nghị của Hiệu trưởng.

5. Giáo viên.

- Lĩnh hội và triển khai các khoản thu đến cha mẹ học sinh của lớp.
- Đôn đốc nhắc nhở phụ huynh học sinh đóng tiền học, tiền ăn.

6. Trách nhiệm giám sát của các bộ phận đoàn thể khác.

Ban thanh tra nhân dân nhà trường theo dõi, giám sát việc thu chi, công khai các khoản thu của trường, có ý kiến đề nghị chủ tài khoản kịp thời nếu thấy có hiện tượng bất thường, không đúng quy định trong kế hoạch thu chi.

Kế hoạch thu chi này áp dụng thống nhất trong trường Mầm non Thụy Hương nhằm đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển bền vững và từng bước nâng cao đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trên đây là Kế hoạch thu chi năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Thụy Hương. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay phát sinh, cần báo cáo với Ban giám hiệu để kịp thời điều chỉnh, bổ sung. Các nội dung trên sẽ xây dựng tại Quy chế chi tiêu nội bộ và công khai tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã (để b/c);
- Phòng VH-XH (để b/c);
- CBGV-NV (để biết);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Sâm



KẾ HOẠCH
DỰ KIẾN THU - CHI NĂM HỌC 2025-2026

I Thu theo quy định (NSNN cấp theo NQ54)

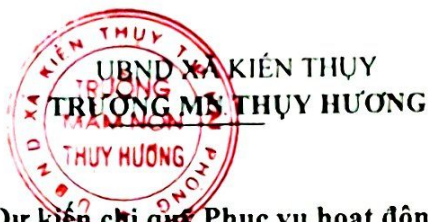
Số TT	Nội dung	Nhà trẻ			Mẫu giáo			Tổng	
		Số HS	Mức thu	T. Tiền	Số HS	Mức thu	T. Tiền	Số HS	T. Tiền
1	Học phí	48	92.000	39.744.000	237	85.000	181.305.000	285	221.049.000
	Tổng			39.744.000			181.305.000		221.049.000

II Các khoản thu dịch vụ

Số TT	Nội dung	Nhà trẻ			Mẫu giáo			Tổng	
		Số HS	Mức thu	T. Tiền	Số HS	Mức thu	T. Tiền	Số HS	T. Tiền
1	Phục vụ ăn bán trú	48	24.000		237	24.000		285	
2	Tiền nhiên liệu/ngày	48	2.000		237	2.000		285	
3	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	12	200.000	2.400.000	205	200.000	41.000.000	217	43.400.000
		36	360.000	12.960.000	32	360.000	11.520.000	68	24.480.000
4	Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng	48	150.000	64.800.000	237	150.000	319.950.000	285	384.750.000
5	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính thu theo tháng (2 giờ trưa)	48	220.000	95.040.000	237	220.000	469.260.000	285	564.300.000
6	Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7 thu theo tháng (50.000đ/ngày)	25	200.000	45.000.000	120	200.000	216.000.000	145	261.000.000
	Tổng			220.200.000			1.057.730.000		1.277.930.000

Tổng cộng các mục dự kiến thu:
Tổng số học sinh:

1.277.930.000
285



UBND XÃ KIẾN THỤY
TRƯỜNG MỸ THỤY HƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Dự kiến chi quỹ Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh năm học 2025 - 2026
(Kèm theo Kế hoạch thu chi số: 27/KH-MNTH ngày 29/9/2025 của trường MN Thủy Hương)

STT	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khăn lau bàn ăn trẻ	Cái	50	18.000	900.000
2	Khăn mặt (2 lần/năm)	Cái	600	7.000	4.200.000
3	Khăn lau tay bàn ăn (2 lần/năm)	Cái	50	18.000	900.000
4	Chăn thu	Cái	5	200.000	1.000.000
5	Khăn lau tay nhà vệ sinh (2 lần/năm)	Cái	50	20.000	1.000.000
6	Nước thơm lau sàn gift 1 lít/chai (11 chai/tháng)	Chai	99	49.000	4.851.000
7	Vim tẩy nhà vệ sinh gift 900ml/chai (11 chai/tháng)	Chai	99	59.000	5.841.000
8	Nước tẩy javen 500ml/chai	Chai	30	15.000	450.000
9	Giấy vệ sinh Việt Nhật (30 bịch/tháng)	Bịch	270	50.000	13.500.000
10	Đép học sinh	Đôi	15	25.000	375.000
11	Chổi quét nhà (3 lần/năm)	Cái	33	48.000	1.584.000
12	Chổi lau nhà (3 lần/năm)	Cái	33	137.000	4.521.000
13	Thảm lau chân	Cái	27	30.000	810.000
14	Cọ vệ sinh (2 lần/năm)	Cái	9	16.000	144.000
15	Xà phòng thơm lifebuoy (33 bánh/tháng)	Bánh	297	22.000	6.534.000
16	Xà phòng giặt Omo thường (8kg/tháng)	Kg	72	45.000	3.240.000
17	Chổi cước (quét nước)	Cái	11	44.000	484.000
18	Túi đựng rác (3kg/tháng)	kg	27	48.000	1.296.000
19	Chậu nhựa to 50cm	Cái	1	75.000	75.000
20	Chậu nhựa nhỏ 40cm	Cái	1	55.000	55.000
21	Chậu nhựa nhỏ 25cm	Cái	4	40.000	160.000
22	Găng tay cao su	Đôi	11	35.000	385.000
23	Lược chải tóc trẻ	Cái	11	11.000	121.000
24	Xèng hút rác	Cái	6	55.000	330.000
25	Xô nhựa to 15L	Cái	4	50.000	200.000
26	Xô nhựa nhỏ	Cái	3	20.000	60.000
27	Giá dép nhà vs inox	Cái	2	300.000	600.000
28	Chiếu côi	Cái	13	277.000	3.601.000

STT	Tên danh mục	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
29	Ca uống nước inox	Cái	50	23.000	1.150.000
30	Già phơi khăn	Cái	1	500.000	500.000
31	Bàn chải giặt	Cái	12	15.000	180.000
32	Bộ vệ sinh tay cầm	Cái	1	84.000	84.000
33	Chăn đông	Cái	5	350.000	1.750.000
34	Vỏ chăn	Cái	9	200.000	1.800.000
35	Đũa tre dài	Đôi	2	20.000	40.000
36	Thoát sàn khu quế lâm	Cái	1	1.200.000	1.200.000
37	Bát con Inox có vằn	Cái	20	25.000	500.000
38	Bát con Inox có gờ	Cái	5	25.000	125.000
39	Muôi canh trẻ inox	Cái	3	20.000	60.000
40	Giò đựng thìa Inox	Cái	7	160.000	1.120.000
41	Thìa con Inox hình bông xen cán dài	Cái	10	10.000	100.000
42	Dao thái thép	Cái	2	200.000	400.000
43	Gáo múc nước Inox	Cái	1	50.000	50.000
44	Dao gọt bầu bí	Cái	3	30.000	90.000
45	Ca múc nước nhựa	Cái	1	15.000	15.000
46	Máy bơm nước	Cái	1	1.500.000	1.500.000
	Tổng				67.881.000

Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi
mốt nghìn đồng chẵn.



UBND XÃ KIÊN THUY
TRƯỜNG MN THUY HƯƠNG

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Dự kiến chi vệ sinh bán trú năm học 2025 - 2026

(Kèm theo Kế hoạch thu chi số 24/KH-MNTH ngày 27/9/2025 của trường MN Thủy Hương)

STT	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khăn lau bàn nhà bếp (5 cái/ 3 tháng)	Cái	15	15.000	225.000
2	Khăn lau tay vệ sinh (1 năm 2 lần)	Cái	6	20.000	120.000
3	Nước lau sàn (Theo tháng) (2 chai/tháng) gift 1 lít/chai	Chai	18	49.000	882.000
4	Vim tẩy nhà vệ sinh (Theo tháng) (1 chai/tháng) gift 900mml/chai	Chai	9	59.000	531.000
5	Nước tẩy (Theo tháng) (1 chai/tháng) javen 500ml/chai	Chai	18	15.000	270.000
6	Sục nhân viên bếp ăn (2 lần/năm)	Đôi	12	40.000	480.000
7	Chổi quét nhà (3 tháng thay 1 lần) 3 khu	Cái	8	48.000	384.000
8	Chổi lau nhà (3 tháng thay 1 lần) 3 khu	Cái	6	137.000	822.000
9	Thảm lau chân 3 khu (2 khu lẻ 1 cái)	Cái	5	40.000	200.000
10	Xà phòng thơm (Theo tháng) (30 bánh/tháng) lifebuoy	Bánh	20	22.000	440.000
11	Xà phòng giặt (Theo tháng) 9kg/tháng Omo thường	Kg	9	45.000	405.000
12	Dầu rửa bát (loại 3l/can) (6 can/tháng)	Can	63	90.000	5.670.000
13	Gang tay chế biến (25túi /tháng)	kg	225	10.000	2.250.000
14	Chổi cước (quét nước) 3 khu	Cái	3	40.000	120.000
15	Găng tay cao su 6 đôi/tháng	Cái	54	35.000	1.890.000
16	Muối vệ sinh thực phẩm (5kg/tháng)	kg	45	5.000	225.000
17	Chổi sinicol (chang gạt nước)	Cái	2	45.000	90.000
	Tổng				15.004.000



BẢNG DỰ KIẾN THU - CHI
QUỸ HỖ TRỢ NGƯỜI NẤU ĂN, CHĂM ĂN, TRỒNG TRƯA, CÔNG TÁC QUẢN LÝ NĂM HỌC 2025 - 2026

I Dự năm 2024-2025 chuyển sang: 0đ

II Dự kiến thu 2025-2026: 285 HS x 150.000đ/tháng/HS x 9 tháng = 384.750.000đ/năm

* Tổng dự kiến thu: 384.750.000đ

III Dự kiến chi:

TT	HỌ VÀ TÊN	CV	Thuế TNDN 2%	BHBB 5,72%	Vệ sinh bán trú 3,9%	Quản lý LD+Y tế + QL quỹ 18,95%	Lương cô nuôi 69,44%	Tổng	Mức hưởng 1 tháng/9 tháng
1	Thuế TNDN		7.695.000					7.695.000	855.000
2	Bảo hiểm			21.998.592				21.998.592	12 tháng
3	Mua sắm TTB vệ sinh bếp ăn				15.000.000			15.000.000	9 tháng
4	Nguyễn Thị Sâm	HT				27.000.000		27.000.000	3.000.000
5	Đỗ Thị Lệ	PHT				16.200.000		16.200.000	1.800.000
6	Nguyễn Thị Thảo	KT				16.200.000		16.200.000	1.800.000
7	Nguyễn Thị Hồng Thủy	TQ				9.000.000		9.000.000	1.000.000
8	Vũ Thị Đào	TTTN				2.700.000		2.700.000	300.000
9	Nguyễn Phương Huệ	NVYT				1.800.000		1.800.000	200.000
10	Đặng Thị Sơ	CN					44.526.068	44.526.068	4.947.341
11	Vũ Thị Đào	CN					44.526.068	44.526.068	4.947.341
12	Vũ Thị Thanh Xuân	CN					44.526.068	44.526.068	4.947.341
13	Nguyễn Thị Hương	CN					44.526.068	44.526.068	4.947.341
14	Tăng Thị Phương	CN					44.526.068	44.526.068	4.947.341
15	Nguyễn Thị Thịnh	CN					44.526.068	44.526.068	4.947.341
	Cộng		7.695.000	21.998.592	15.000.000	72.900.000	267.156.408	384.750.000	

Ghi chú: - Thu vừa đủ chi, đến cuối tháng 4/2026 cân đối số thu chi thừa thiếu sẽ điều chỉnh mức thu ở tháng 5/2026.

- Tổng số lương thực lĩnh của cô nuôi không bao gồm Bảo hiểm và các khoản đóng góp theo lương: Ngân sách 3.895.398đ + 4.947.341đ (thu thêm) = 8.842.739đ/tháng (Hưởng 9 tháng trong năm học)



BẢNG DỰ KIẾN THU - CHI

QUỸ QUẢN LÝ TRẺ NGOÀI GIỜ NĂM HỌC 2025 - 2026

I Dự kiến thu: $285 \text{ HS} \times 220.000\text{đ}/\text{tháng}/\text{HS} = 62.700.000\text{đ}/\text{tháng}$

II Dự kiến chi:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Thuế TNDN 2%	QL KN 3,35%	Lớp đông 3,35%	Bảo vệ 10,65%	Công trực 80,65%	Tổng
1	Thuế TNDN		1.254.000					1.254.000
2	Nguyễn Thị Thúy Nga	PHT		1.800.000				1.800.000
3	Đào Thị Loan	CSDL		300.000				300.000
4	Lớp đông A1 6HS	GV			600.000			600.000
5	Lớp đông B1 8HS	GV			800.000			800.000
6	Lớp đông C1 7HS	GV			700.000			700.000
7	Vũ Văn Khiển	BV				2.680.000		2.680.000
8	Đỗ Xuân Sơn	BV				2.000.000		2.000.000
9	Bùi Văn Ủy	BV				2.000.000		2.000.000
10	25 CBGV	CBGV					50.566.000	50.566.000
	Cộng		1.254.000	2.100.000	2.100.000	6.680.000	50.566.000	62.700.000

Ghi chú: - Chi 100% số thực thu trong tháng.

- Số công trực = 22 ngày x 25 người = 550 công/tháng

- Số tiền công 1 ngày trực = 50.566.000đ : 550 công = 91.938đ/công

- Vượt định biên 100.000đ/1HS

- Hỗ trợ bảo vệ theo thỏa thuận khu Trà Phương: 2.680.000đ/tháng, khu Quế Lâm 2.000.000đ/tháng, Phương Đồi 2.000.000đ/tháng



BẢNG DỰ KIẾN THU - CHI
ĐẠI NGÀY THỨ 7 NĂM HỌC 2025 - 2026

I Dự kiến thu: 145 HS x 50.000đ/ngày x 4 ngày = 29.000.000đ/tháng

II Dự kiến chi:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Thuế TNDN 2%	Công tác quản lý 8,61%	Công trực 89,39%	Tổng
1	Thuế TNDN		580.000			580.000
2	Nguyễn Thị Sâm	HT		900.000		900.000
3	Đỗ Thị Lệ	PHT		600.000		600.000
4	Nguyễn Thị Thúy Nga	PHT		600.000		600.000
5	Nguyễn Thị Thảo	KT		300.000		300.000
6	Nguyễn Thị Hồng Thủy	TQ		100.000		100.000
7	16 giáo viên + CN	GV+CN			25.920.000	25.920.000
	Cộng		580.000	2.500.000	25.920.000	29.000.000

Ghi chú: - Chi 100% số thực thu trong tháng cho CBGV-NV trực tiếp quản lý, giảng dạy và công tác nuôi dưỡng ngày thứ 7.

- Quản lý (BGH) tách riêng bình quân 450.000đ/ngày

- GVNV bình quân 405.000đ/ngày